

Bản án số: **306/2018/HNGĐ_ST**

Ngày: 07/9/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1292/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phùng Xuân X**, sinh năm 1979

Địa chỉ: 361/19T, ấp Long Khánh 2, xã Tam Phước, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Y**, sinh năm 1976

Địa chỉ: 361/19T, ấp Long Khánh 2, xã Tam Phước, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà X có đơn xin vắng mặt, ông Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phùng Xuân X trình bày: Bà và ông Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào năm 2007. Từ khi kết hôn vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nguyên nhân chính là do ông Y nghiện ngập, đánh đập vợ con. Ngày 27/3/2018, ông Y đánh bà gây thương tích, phải khâu 13 mũi, ngoài ra còn chửi bới, xúc phạm bà. Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 28/10/2005 và Trần Ngọc Huyền My, sinh ngày 17/6/2016. Khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên ông Trần Văn Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của của ông Y về việc giải quyết vụ án.

Ngày 31/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành lấy ý kiến của cháu Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 31/7/2018. Cháu Hân trình bày nguyện vọng được ở với mẹ là bà Phùng Xuân X.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn bà Phùng Xuân X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà X là nguyên đơn, ông Y là bị đơn trong vụ án.

- Ngày 31/5/2018, Công an xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xác nhận ông Y là nhân khẩu tạm trú tại địa phương. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Xuân X và ông Trần Văn Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Tam Phước huyện Long Thành (nay thuộc Tp.Biên Hòa) tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết số 269, quyển số 01/2007 ngày 31/12/2007 đối chiếu các điều 9, điều 11 và điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Bà X xác định vợ chồng mâu thuẫn từ khi hai người kết hôn, nguyên nhân phát sinh từ việc ông Y nghiện ma túy. Vợ chồng thường xuyên cãi vã và xung đột nhau. Theo xác minh ngày 31/7/2018, UBND xã Tam Phước xác định không nắm bắt được thông tin vợ chồng bà X ông Y có mâu thuẫn hay không. Tuy nhiên, theo tài liệu chứng cứ bà X cung cấp gồm hình ảnh chứng minh bà bị bạo hành, nhà cửa bị đập phá, đồ đạc bị đốt cho thấy vợ chồng có xô xát. Theo xác nhận ngày 25/7/2018 của Công an xã Tam Phước thì Công an xác nhận ngày 27/3/2018 bà X có đến công an trình báo việc bị ông Y đánh đập. Ngoài ra, ngày 02/6/2017, bà X đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Y nhưng sau đó lại rút đơn khởi kiện để hàn gắn đoàn tụ vào ngày 22/8/2017. Từ những chứng cứ bà X đã cung cấp và xác nhận của Công an xã Tam Phước cho thấy. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà X ông Y là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà X cương quyết giữ yêu cầu ly hôn với ông Y, yêu cầu này là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: bà X và ông Y có 02 con chung là Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 28/10/2005 và Trần Ngọc Huyền My, sinh ngày 17/6/2016. Khi ly hôn bà X yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu này của bà X là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Cả hai con chung đều là cháu gái, còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, cháu Hân có nguyện vọng được bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Y dù đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không lý do nên xem như bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân, con chung. Bà X từ trước đến nay vẫn chăm sóc hai con chung, con chung vẫn phát triển bình thường nên cần giữ sự ổn định cho trẻ. Do bà X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Tuy nhiên, do ông Y không có ý kiến nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Phùng Xuân X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 09, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Xuân X đối với bị đơn ông Trần Văn Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Bà Phùng Xuân X, sinh năm 1979 được ly hôn với ông Trần Văn Y, sinh năm 1976.

Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc Gia Hân, sinh ngày 28/10/2005 và Trần Ngọc Huyền My, sinh ngày 17/6/2016 cho bà Phùng Xuân X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Văn Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Phùng Xuân X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 007429 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Bà X, ông Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND X. Tam Phước
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Nhựt